

Số: 42/2016/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 16 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường,
đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phương án cải tạo phục hồi môi trường
và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung
trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 quy định chi tiết thi hành Luật phí và lệ phí; số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; số 19/2015/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 8407/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và các tổ chức cá nhân được giao trách nhiệm thu phí;

b) Tổ chức, cá nhân được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Nghệ An cung cấp dịch vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung.

Điều 2. Mức thu phí

1. Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và đề án bảo vệ môi trường chi tiết

a) Mức thu phí thẩm định đối với báo cáo đánh giá môi trường và đề án bảo vệ môi trường chi tiết:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng) Dự án	Mức thu phí				
	≤50	>50 và ≤100	>100 và ≤ 200	>200 và ≤500	>500
Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,5	10,0	12,0	15,0
Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	6,0	8,0	13,0	14,0	23,0
Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật	6,5	9,0	15,0	16,0	23,0
Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,0	9,0	15,0	16,0	21,0
Nhóm 5. Dự án Giao thông	7,0	9,0	16,0	18,0	23,0
Nhóm 6. Dự án Công nghiệp	8,4	10,5	17,0	18,0	24,0
Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5,0	6,0	9,0	10,0	14,0

b) Mức thu phí thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết bằng 50% mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá môi trường.

2. Mức thu phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung

a) Mức thu phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung thẩm định độc lập:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tổng mức đầu tư Dự án (tỷ đồng)	≤ 50	>50 và ≤ 100	>100 và ≤ 200	>200 và ≤ 500	>500
Mức thu phí	8,4	10,5	17	18	24

b) Mức thu phí thẩm định lại phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung thẩm định độc lập; mức thu phí thẩm định và thẩm định lại phương án cải tạo phục hồi môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung thẩm định cùng thời điểm với báo cáo đánh giá tác động môi trường bằng 50% mức thu phí thẩm định quy định tại Điểm a Khoản này.

Điều 3. Quản lý và sử dụng phí

1. Đối tượng nộp phí thực hiện nộp phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung theo từng lần phát sinh.

2. Định kỳ hàng tháng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam phải gửi số tiền phí thu được vào Tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam được để lại 90% số phí thu được để chi phí cho các hoạt động thẩm định và các chi phí khác theo quy định; số còn lại (10%) nộp ngân sách nhà nước. Việc quản lý và sử dụng phí được thực hiện theo quy định hiện hành.

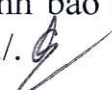
Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XVII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Bãi bỏ Nghị quyết số 128/2014/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, tỷ lệ trích nộp phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB) (để kiểm tra);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT 



Nguyễn Xuân Sơn